

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài.  
Năm báo cáo: 2012

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài
- Tên giao dịch quốc tế: *Noibai Catering Services Joint Stock Company*
- Tên viết tắt: NCS
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101509403 do Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần thứ 12 ngày 09/5/2012.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 043 884 0289
- Số fax: 043 884 0199
- Website: <http://noibaicatering.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NCS

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 983/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2004 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải và hoạt động theo giấy phép kinh doanh do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/7/2004 và đăng ký thay đổi lần 12 ngày 09/5/2012 với mã số doanh nghiệp là 0101509403. Vốn điều lệ khi thành lập là 30 tỷ đồng (Ba mươi tỷ đồng). Năm 2007 Công ty tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.

Năm 2010 Công ty thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam. Ngày 16/6/2010 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD cho Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài với tên chứng khoán Cổ phiếu Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài, mã chứng khoán: NCS

Năm 2010 Công ty cũng đã thực hiện chuyển đổi hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001: 2000 sang phiên bản ISO 9001: 2008

Năm 2012 do tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, đã có 05 khách hàng ngừng lấy suất ăn và dịch vụ của Công ty (do chính sách của khách hàng

thay đổi). Đến tháng 12/2012, Công ty thu hút thêm được 01 khách hàng mới là hãng hàng không Angkor Air (K6). Tính đến 31/12/2012 Công ty có 13 khách hàng thường xuyên (giảm 04 khách hàng so với cùng kỳ năm 2011).

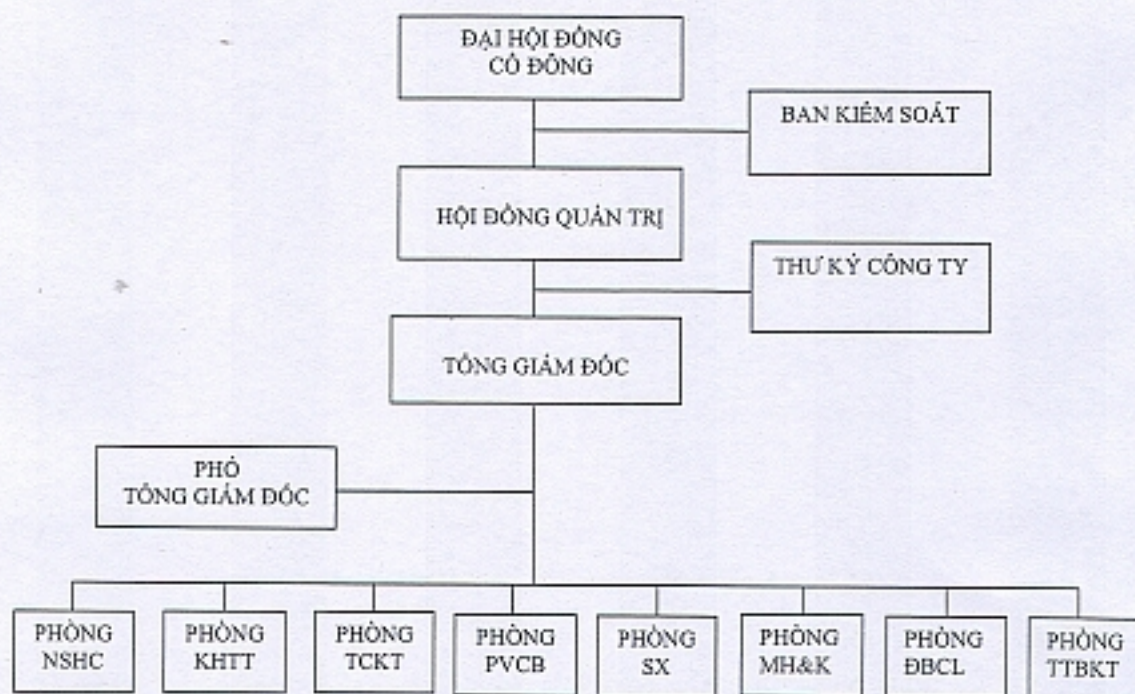
### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

- ❖ Chế biến suất ăn phục vụ: hành khách của các hãng hàng không, các chuyến bay chuyên cơ;
- ❖ Cung cấp các dịch vụ liên quan đến quá trình sản xuất, cung ứng suất ăn;
- ❖ Đầu tư, liên doanh liên kết trong lĩnh vực: chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, mua bán nguyên liệu thực phẩm;
- ❖ Cung cấp suất ăn và dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không;
- ❖ Xuất nhập khẩu trực tiếp để phục vụ chế biến suất ăn

- Địa bàn kinh doanh: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

### 4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



- Đại hội đồng cổ đông: cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty
- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty
- Ban kiểm soát: cơ quan giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tổng Giám đốc: là người Đại diện theo pháp luật của Công ty trong mọi hoạt động giao dịch và có quyền quyết định cao nhất về điều hành hoạt động của Công ty.
- Phó Tổng Giám đốc: giúp việc cho Tổng Giám đốc, phụ trách một số lĩnh vực theo phân công của Tổng Giám đốc.
- Các phòng của Công ty gồm: phòng Nhân sự Hành chính (NSHC), phòng Kế hoạch Thị trường (KHIT), phòng Tài chính Kế toán (TCKT), phòng Phục vụ chuyến bay (PVCB), phòng Sản xuất (SX), phòng Mua hàng và kho (MH&K), phòng Đảm bảo chất lượng (ĐBCL), phòng Trang thiết bị kỹ thuật (TTBKT).

#### 5. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: tăng trưởng khoảng 10%/1 năm

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Phấn đấu trở thành Công ty đứng đầu khu vực về chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Đảm bảo vệ sinh môi trường nơi làm việc. Hướng ứng và tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường do các tổ chức xã hội phát động. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện tiết kiệm phòng chống lãng phí.

#### 6. Các rủi ro

Suy giảm và bất ổn của tình hình kinh tế thế giới ảnh hưởng không nhỏ tới kinh tế Việt Nam nói chung và ngành hàng không nói riêng. Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn với tất cả các Hãng hàng không trên thế giới và trong nước, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sự xuất hiện của các hãng hàng không giá rẻ (không sử dụng suất ăn và dịch vụ của NCS) ảnh hưởng trực tiếp đến thị phần của Công ty tại sân bay Nội Bài.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2012

### 1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012

Một số chỉ tiêu cơ bản về tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH2012	Thực hiện 2012	% TH/KH	% 2012/2011
1	Sản lượng suất ăn	Suất ăn	5.272.008	4.634.343	88%	94,5%
2	Sản lượng chuyến bay	Chuyến	32.843	28.942	88%	92%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	390,341	362,293	93%	103%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	47,315	47,380	100,1%	81%

**Về khách hàng:** Từ đầu năm 2012 đến tháng 6/2012, có 05 khách hàng ngừng khai thác tại Nội Bài, hoặc không nạp suất ăn, dịch vụ của Công ty (do chính sách của khách hàng thay đổi). Việc các hãng hàng không này dừng lấy suất ăn và dịch vụ đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012.

**Về sản lượng:** do tình hình kinh tế năm 2012 rất khó khăn và ngành vận tải hàng không cũng không ngoại lệ, vì vậy sản lượng suất ăn và sản lượng chuyến bay của NCS suy giảm. Theo đó, tính đến 31/12/2012, sản lượng suất ăn, sản lượng chuyến bay chỉ đạt 88% kế hoạch năm 2012.

**Về doanh thu:** mặc dù sản lượng năm 2012 giảm, chỉ đạt 88% so với kế hoạch, nhưng doanh thu đạt 93% kế hoạch. Trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 352,5 tỷ đồng, doanh thu hoạt động khác (gồm tiền thu từ bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Cầu Nhật Tân- sân bay Nội Bài, thu từ hoạt động tài chính, thu khác) đạt 9,7 tỷ đồng.

**Về lợi nhuận:** Năm 2012, mặc dù sản lượng và doanh thu đều không hoàn thành kế hoạch, nhưng với hàng loạt các biện pháp quản trị sản xuất linh hoạt, NCS vẫn hoàn thành được chỉ tiêu về lợi nhuận được giao. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 47,38 tỷ, bằng 100,1% so với kế hoạch năm 2012.

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Số cổ phần (NCS) có quyền biểu quyết
1	Tạ Thiên Long	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ kinh tế; Lý luận chính trị cao cấp	6160
2	Lê Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sỹ kinh tế.	0
3	Phạm Ngọc Long	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT	Thạc sỹ kinh tế, Cử nhân luật	0

- Danh sách các cán bộ quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Số cổ phần (NCS) có quyền biểu quyết
1	Trần Văn Trung	Trưởng phòng Nhân sự hành chính	Cử nhân kinh tế	0
2	Nguyễn Văn Tuy	Phó trưởng phòng Kế hoạch Thị Trường	Cử nhân kinh tế	6250
3	Vũ Ngọc Thiện	Trưởng phòng Phục vụ chuyên bay	Cử nhân kinh tế	3000
4	Hồ Thành Công	Q. Trưởng phòng Sản xuất	Bác sỹ thú y; Lý luận chính trị cao cấp	5380
5	Tổ Bích Điềm	Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng	Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản	0
6	Dương Tiến Nghĩa	Q. Trưởng phòng Trang thiết bị kỹ thuật	Cử nhân luật	0
7	Nguyễn Hữu Nghĩa	Q. Trưởng	Cử nhân kinh tế	3400

		phòng Mua hàng và kho		
8	Đặng Thị Tân Hỷ	Phó trưởng phòng Nhân sự hành chính kiêm Thư ký Công ty	Cử nhân kinh tế	0
9	Trần Thị Lan Hương	Phó trưởng phòng TCKT	Cử nhân kinh tế	3830
10	Trần Quốc Hùng	Phó trưởng phòng Kế hoạch Thị trường	Thạc sỹ kinh tế	0

- Những thay đổi trong Ban Giám đốc trong năm 2012: không có

- Về lao động và chính sách đối với người lao động: Trong năm 2012 Công ty đã thực hiện chủ trương tăng cường kiểm soát chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, và đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động của các tổ chức xã hội khác, đảm bảo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư trong năm 2012: Năm 2012 NCS đã tiến hành thực hiện đầu tư các dự án như sau:

+ Dự án đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất

+ Dự án tái định cư nhà điều hành và bãi đỗ xe để phục vụ giải phóng mặt bằng đường nối Nội Bài – cầu Nhật Tân

- Các công ty con, công ty liên kết: không có

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	168.265.257.679	154.850.296.511	92,03 %
Doanh thu thuần	339.984.853.370	349.339.532.943	102,75 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56.124.095.297	42.235.541.896	75,25 %
Lợi nhuận khác	2.309.241.954	5.144.545.539	222,78 %
Lợi nhuận trước thuế	58.433.337.251	47.380.087.435	81,08 %
Lợi nhuận sau thuế	51.506.549.072	41.449.707.174	80,47 %

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
1. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ- Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,84 lần  2,6 lần	3,35 lần  3,03 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số nợ/Tổng tài sản + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	26,76 lần 36,53 lần	22,89 lần 29,68 lần	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	29,13 lần	27,21 lần	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	18,86 % 44,04 % 32,95 % 16,51 %	11,87 % 34,16 % 25,66 % 12,09 %	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu theo từng loại

- + Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 5.000.000 cổ phần (mệnh giá 10.000d/cp)
- + Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng: 5.000.000 cổ phần (cổ phần phổ thông)
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.999.210 cổ phần phổ thông
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 790 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Tính đến 31/12/2012, Công ty có 249 cổ đông, cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

- **Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:**

+ Cổ đông lớn:

Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	3.000.000	60%	Số 200 Nguyễn Sơn- Long Biên- Hà Nội
Công ty TNHH MTV DV Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	500.000	10%	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất- Phường 2- Quận Tân Bình- TP HCM

+ Cổ đông nhỏ: Công ty có 247 cổ đông nhỏ, sở hữu 1.499.210 số cổ phần đã phát hành của Công ty.

- **Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:**

+ Cổ đông tổ chức:

Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ
1. Tổng công ty Hàng không Việt Nam	3.000.000	60%	Số 200 Nguyễn Sơn- Long Biên- Hà Nội
2. Công ty TNHH MTV DV Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	500.000	10%	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất- Phường 2- Quận Tân Bình- TP HCM
3. Công ty liên doanh sản xuất bữa ăn trên máy bay	85.000	1,7%	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất- Phường 2- Quận Tân Bình- TP HCM

+ Cổ đông cá nhân: Công ty có 246 cổ đông cá nhân sở hữu 1.414.210 cổ phần đã phát hành của Công ty.

- **Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:** Công ty không có cổ đông nước ngoài.

- **Cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:**

+ Cổ đông nhà nước: Tổng công ty Hàng không Việt Nam, sở hữu 3.000.000 cổ phần, chiếm 60% tổng số cổ phần phát hành của Công ty

+ Các cổ đông khác: 248 cổ đông khác sở hữu 1.999.210 cổ phần đã phát hành của Công ty.



- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: trong năm 2012 Công ty không thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Tính đến 31/12/2012 số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 790 cổ phiếu. Trong năm 2012 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.
- e) Các chứng khoán khác: không có.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### *1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Năm 2012 là năm hết sức khó khăn với kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam, là một năm khó khăn với tất cả các Hãng hàng không trên thế giới và trong nước. Tổng dung lượng thị trường vận tải hàng không sụt giảm, cạnh tranh giữa các hãng hàng không trong và ngoài nước rất khốc liệt, thị phần của các hãng hàng không hiện là khách hàng của Công ty sụt giảm mạnh. Hầu hết các hãng hàng không đều lâm vào tình trạng rất khó khăn.

Đối với Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài, mặc dù sản lượng và doanh thu đều không hoàn thành kế hoạch, nhưng với hàng loạt các biện pháp quản trị sản xuất linh hoạt, thực hiện tốt chương trình tiết kiệm, NCS đã hoàn thành được chỉ tiêu về lợi nhuận được giao. Bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động.

#### *2. Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài sản: Tài sản tại ngày 31/12/2012 giảm so với thời điểm đầu năm (01/01/2012) là 13,4 tỷ đồng, tương ứng nguồn vốn giảm 13,4 tỷ đồng. Nguồn vốn giảm chủ yếu do giảm khoản nợ nhà cung cấp so với thời điểm đầu năm và giảm nguồn vốn chủ sở hữu do lợi nhuận thực hiện trong năm 2012 giảm so với năm 2011, do đó lợi nhuận chưa phân phối và các khoản trích theo lợi nhuận giảm. Tương ứng phần tài sản biến động giảm chủ yếu ở phần chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn (giảm phần tiền). Phần Tài sản dài hạn giảm chủ yếu do khấu hao.

Như vậy, sự biến động về tài sản (vốn) của Công ty trong năm 2012 là hoàn toàn bình thường. Trong năm 2012, Công ty không có nợ xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD.

b) Tình hình nợ phải trả: Năm 2012, Công ty hoàn toàn đảm bảo các hoạt động kinh doanh bằng nguồn vốn tự có, không phát sinh hoạt động vay nợ. Tại thời điểm 31/12/2012 có sự biến động giảm về chỉ tiêu Nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán chủ yếu do chênh lệch chỉ tiêu Phải trả Người bán.

Trong năm 2012, tình hình thanh toán của Công ty bình thường. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái không đáng kể và không làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### *3. Những cải tiến về cơ cấu, chính sách quản lý*

Trong năm 2012 Công ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định liên quan đến bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý của Công ty, ổn định và nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức phục vụ ngày càng tốt hơn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### *4. Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Trước những khó khăn của nền kinh tế trong năm 2013, Ban Giám đốc Công ty xác định định hướng kinh doanh trong năm 2013 như sau:

Ổn định và cải thiện dần từng bước và vững chắc chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Hoàn thiện hệ thống quản trị và phát triển nguồn nhân lực. Nghiên cứu và từng bước mở rộng kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính.

#### *5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có*

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

#### *1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Kinh doanh trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, song tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty đã đồng lòng, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, với các biện pháp quản trị linh hoạt, thực hiện tốt chính sách tiết kiệm, kết quả hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu lợi nhuận năm 2012, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

#### *2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty*

Ban Giám đốc Công ty đã hoạt động rất nghiêm túc và hiệu quả theo đúng mục tiêu định hướng của Công ty.

Năng động, sáng tạo trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong công tác điều hành, đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2012 và các hoạt động khác của Công ty.

#### *3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013; Tiếp tục chỉ đạo triển khai Dự án đầu tư xây dựng cơ sở chế biến suất ăn hàng không mới.

Hội đồng quản trị thực hiện chỉ đạo và giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện công tác đầu tư năm 2013; Tiếp tục chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai chương trình quản trị doanh thu, chi phí để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **V. Quản trị Công ty**

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

+ Tại thời điểm ngày 31/12/2012, Hội đồng quản trị Công ty gồm:

1. Ông Nguyễn Huy Tráng : Chủ tịch HĐQT
2. Ông Tạ Thiên Long : Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Xuân Thủy : Ủy viên HĐQT

Ông Nguyễn Xuân Thủy còn tham gia giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cung ứng dịch vụ hàng không (AIRSERCO); Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần hàng không JETSTAR PACIFIC AIRLINES

4. Ông Hồ Thành Công : Ủy viên HĐQT
5. Ông Nguyễn Văn Danh : Ủy viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Danh còn tham gia Hội đồng quản trị ở các công ty khác gồm: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sài Gòn Sân Bay; Ủy viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần địa ốc Thảo Điền; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần du lịch thanh niên trung lương tình yêu; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần công trình hàng không.

+ Cơ cấu Hội đồng quản trị:

01 thành viên điều hành

04 thành viên không điều hành

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng thành viên:

+ Ông Tạ Thiên Long - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty: sở hữu 6 160 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,12%

+ Ông Hồ Thành Công - Ủy viên HĐQT: sở hữu 5 380 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,11%

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời hỗ trợ công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị đã tổ chức 01 kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và nhiều phiên họp, ban hành các Nghị quyết, Quyết định để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra chủ trương, Nghị quyết và Quyết định có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức nhân sự của Công ty phù hợp với các quy chế, quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên Hội đồng quản trị.

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả các cuộc họp như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-NCS-HĐQT	16/01/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhất trí nguyên tắc xác định quỹ lương thực hiện năm 2011</li> <li>- Thông qua KH SXKD năm 2012</li> <li>- Nhất trí phương án tạm cư phục vụ Dự án đường nối cầu Nhật Tân với Sân bay Quốc tế Nội Bài</li> <li>- Nhất trí ủy quyền cho SSI hướng dẫn các thủ tục chuyển nhượng và tiếp nhận hồ sơ về các giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu NCS.</li> <li>- Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty.</li> <li>- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông 2012.</li> </ul>
2	02/NQ-NCS-HĐQT	15/02/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt báo cáo đầu tư Dự án “Đầu tư trang thiết bị năm 2012”</li> <li>- Nhất trí giao cho Giám đốc Công ty ký Hợp đồng dịch vụ với SSI</li> </ul>
3	03/NQ-NCS-HĐQT	22/3/2012	Nhất trí triển khai phương án tái định cư phục vụ Dự án đường nối Nội Bài-Cầu Nhật Tân theo đề nghị của Giám đốc Công ty
4	04/NQ-NCS-HĐQT	29/3/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua quỹ lương thực hiện năm 2011</li> <li>- Thông qua kết quả tài chính từ hoạt động SXKD năm 2011; phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011.</li> <li>- Nhất trí nâng bậc lương, chuyển xếp lương cho một số cá nhân theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP</li> <li>- Nhất trí điều chỉnh một số chỉ tiêu KH SXKD năm 2012.</li> <li>- Thông qua KH tổ chức ĐHCĐ và các nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2012.</li> </ul>
5	05/NQ-NCS-HĐQT	18/4/2012	Nhất trí chi bổ sung 01 tháng lương cho CBCNV
6	06/NQ-NCS-ĐHCĐ	26/4/2012	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012
7	07/NQ-NCS-HĐQT	26/4/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua phương án xử lý tiếp theo khoản nợ của Indochina Airlines</li> <li>- Nhất trí kế hoạch chi trả cổ tức 2011 cho cổ đông.</li> <li>- Nhất trí kế hoạch chi trả tiền khen thưởng năm 2011 cho HĐQT, BKS, Ban điều hành.</li> </ul>
8	08/NQ-NCS-HĐQT	11/5/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo kết quả SXKD quý 1/2012</li> <li>- Thông qua quy chế trả lương của Công ty và kế hoạch sử dụng quỹ lương năm 2012</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhất trí với Tổng Giám đốc về việc thực hiện nội dung thẩm định kế hoạch đầu tư tại báo cáo số 13/BC-NCS ngày 02/5/2012. Quyết định thành lập tổ thẩm định kế hoạch đầu thầu các gói thầu thuộc dự án đầu tư của Công ty.</li> <li>- Thông qua việc điều chỉnh hạng mục đầu tư, giá gói thầu "Cung cấp xe ô tô", điều chỉnh tổng mức đầu tư và kế hoạch đầu thầu Dự án "Đầu tư trang thiết bị năm 2012".</li> <li>- Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình "Tái định cư khu điều hành, bãi đỗ xe và các hạng mục hạ tầng có liên quan đến hạng mục giải phóng mặt bằng đường nối Nội Bài- cầu Nhật Tân".</li> </ul>
9	09/NQ-NCS-HDQT	17/5/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kế hoạch đầu thầu Dự án "Đầu tư trang thiết bị năm 2012".</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch đầu thầu Dự án "Tái định cư khu điều hành, bãi đỗ xe và các hạng mục hạ tầng có liên quan đến hạng mục giải phóng mặt bằng đường nối Nội Bài- cầu Nhật Tân".</li> </ul>
10	10/NQ-NCS-HDQT	29/5/2012	Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài.
11	11/NQ-NCS-HDQT	07/8/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc khen thưởng 6 tháng đầu năm đối với các tập thể và cá nhân của Công ty</li> <li>- Giao tổ thẩm định kế hoạch đầu thầu thẩm định điều chỉnh kế hoạch đầu thầu Dự án "Tái định cư khu điều hành, bãi đỗ xe và các hạng mục hạ tầng có liên quan đến hạng mục giải phóng mặt bằng đường nối Nội Bài- Cầu Nhật Tân", báo cáo Hội đồng quản trị</li> </ul>
12	12/NQ-NCS-HDQT	10/8/2012	Nhất trí điều chỉnh kế hoạch đầu thầu Dự án "Tái định cư khu điều hành, bãi đỗ xe và các hạng mục hạ tầng có liên quan đến hạng mục giải phóng mặt bằng đường nối Nội Bài- Cầu Nhật Tân".
13	13/NQ-NCS-HDQT	07/9/2012	Thông qua việc lựa chọn logo mới của Công ty; đăng ký bản quyền logo mới (9 mẫu); giao Tổng Giám đốc tiếp tục triển khai các công việc liên quan của Dự án xây dựng bộ nhận diện thương hiệu mới của Công ty.
14	14/NQ-NCS-HDQT	25/9/2012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc giao Tổng Giám đốc Công ty sửa đổi lại các bản dự thảo Quy chế đầu tư và mua sắm tài sản cố định; dự thảo Quy chế quản lý tài chính của Công ty; dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung.</li> <li>- Đề nghị Trưởng Ban kiểm soát xem xét lại việc sửa đổi, bổ sung Quy định về mua nguyên vật liệu và xét chọn nhà cung cấp của Công ty.</li> <li>- Nhất trí với định hướng xây dựng kế hoạch</li> </ul>

			năm 2013 theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
15	15/NQ-NCS-HĐQT	12/11/2012	- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị - Thông qua Quy chế Quản lý tài chính của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài - Thông qua quy định về mua nguyên vật liệu và xét chọn nhà cung cấp tại Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài sửa đổi, bổ sung - Thông qua Quy chế quản lý đầu tư của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài
16	16/NQ-NCS-HĐQT	22/11/2012	Thông qua việc xếp hạng Doanh nghiệp Hạng I cho Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài
17	17/NQ-NCS-HĐQT	28/12/2012	Thông qua việc khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân và tập thể của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài năm 2012

d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty gồm: Ông Nguyễn Huy Tráng, Ông Tạ Thiên Long, Ông Nguyễn Xuân Thủy, Ông Hồ Thành Công.

## 2. Ban kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

+ Thành viên Ban kiểm soát:

1. Bà Nguyễn Thị Giang : Trưởng BKS
2. Ông Vũ Mạnh Phú : Ủy viên BKS
3. Bà Nguyễn Thị Ninh : Ủy viên BKS

*Cơ cấu Ban kiểm soát:*

03 thành viên không điều hành

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát:* Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện xem xét báo cáo tài chính các quý, các vấn đề có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Xem xét công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Xem xét việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012. Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị trong việc kiểm soát các nội dung trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị. Kiểm soát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT công ty trong công tác điều hành của Ban giám đốc công ty.

Trong năm 2012 Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành họp 04 phiên, tại các cuộc họp của Ban Kiểm soát các thành viên ban kiểm soát đã xem xét công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty cụ thể Ban Kiểm soát đã tham gia việc sửa đổi qui chế đầu tư, qui chế tài chính và qui chế mua nguyên vật liệu và xét chọn

nhà cung ứng, qui chế tiền lương, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012...Xem xét việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 của công ty.

Theo đánh giá của Ban kiểm soát năm 2012 trong hoàn cảnh kinh tế thế giới và trong nước gặp khó khăn song Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành sản xuất kinh doanh tại Công ty đạt kế hoạch lợi nhuận đề ra, các chỉ tiêu tài chính của Công ty đều đạt ở mức cao điều này thể hiện sự nỗ lực lớn của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

**c) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương 2011 nhận 2012	Tiền lương năm 2012	Tiền thưởng 2011	Thù lao 2012	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>						
1	Nguyễn Huy Tráng	Chủ tịch HĐQT			45.000.000	60.000.000	105.000.000
2	Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên HĐQT			30.000.000	36.000.000	66.000.000
3	Hồ Thành Công	Ủy viên HĐQT			30.000.000	36.000.000	66.000.000
5	Nguyễn Văn Danh	Ủy viên HĐQT			20.000.000	36.000.000	56.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>						
1	Nguyễn Thị Giang	Trưởng BKS			30.000.000	36.000.000	66.000.000
2	Nguyễn Thị Ninh	Ủy viên BKS			25.000.000	24.000.000	49.000.000
3	Vũ Mạnh Phú	Ủy viên BKS			25.000.000	24.000.000	49.000.000
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>						
1	Tạ Thiên Long	Ủy viên HĐQT kiểm Tổng Giám đốc	177.474.548	595.582.294	30.000.000	36.000.000	839.056.842
2	Lê Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	141.832.902	487.803.257	25.000.000		654.636.159
3	Phạm Ngọc Long	Kế toán trưởng kiểm Trưởng phòng TCKT	121.466.971	414.563.138	25.000.000		561.030.109

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: trong năm 2012 Công ty thực hiện tốt các quy định về quy định quản trị Công ty.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### *1. Ý kiến kiểm toán*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

### *2. Báo cáo tài chính được kiểm toán*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>118.587.526.490</b>	<b>126.101.937.286</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	48.211.782.219	81.878.534.634
1. Tiền	111		23.211.782.219	50.878.534.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	31.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.184.021.108	33.148.321.466
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	55.275.931.669	33.318.046.631
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	4.817.302.539	509.024.384
3. Các khoản phải thu khác	135		294.471.853	524.935.404
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.2	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	11.187.836.332	10.619.585.755
1. Hàng tồn kho	141		11.187.836.332	10.619.585.755
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.886.831	455.495.431
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	280.295.814
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.886.831	175.198.617
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.262.770.021</b>	<b>42.163.320.393</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.990.156.121	41.339.381.424
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	29.525.790.624	35.908.644.662
Nguyên giá	222		99.358.400.417	95.834.979.345
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.832.609.793)	(59.926.334.683)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	48.981.247	14.261.109
Nguyên giá	228		214.630.000	167.440.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(165.648.753)	(153.178.891)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.7	6.415.384.250	5.416.475.653
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		272.613.900	823.938.969
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		162.613.900	713.938.969
2. Tài sản dài hạn khác	268		110.000.000	110.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>154.850.296.511</b>	<b>168.265.257.679</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2012	Tại ngày 01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.445.282.065</b>	<b>45.020.313.488</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.445.282.065</b>	<b>44.372.777.734</b>
1. Phải trả người bán	312	4.8	15.749.025.073	24.296.963.212
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.9	2.773.347.352	2.040.450.770
3. Phải trả người lao động	315		14.279.539.803	15.283.296.992
4. Chi phí phải trả	316		50.000.000	80.450.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.10	999.334.012	1.014.968.781
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi *	323		1.594.035.825	1.656.607.979
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>647.535.754</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	647.535.754
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.11</b>	<b>119.405.014.446</b>	<b>123.244.944.191</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>119.405.014.446</b>	<b>123.244.944.191</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(7.900.000)	(7.900.000)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	478.117.255
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.345.285.888	9.848.127.983
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.000.000.000	5.000.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55.067.628.556	57.926.598.953
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>154.850.296.511</b>	<b>168.265.257.679</b>

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	352.544.766.853	343.184.853.944
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	3.205.234.010	3.200.000.574
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	349.339.532.843	339.984.853.370
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	296.845.999.275	276.930.079.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.493.533.668	63.054.774.088
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.318.551.897	6.522.526.128
7. Chi phí tài chính	22		90.842.165	153.734.080
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	5.4	3.140.244.736	3.036.451.146
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	11.345.456.758	10.263.019.693
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.235.541.896	56.124.095.297
11. Thu nhập khác	31	5.6	5.429.621.973	2.309.241.954
12. Chi phí khác	32		285.076.434	-
13. Lợi nhuận khác	40		5.144.545.539	2.309.241.954
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.380.087.435	58.433.337.251
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	5.930.380.261	6.926.788.179
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41.449.707.174	51.506.549.072
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.11.4	8.291	10.303

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47.380.087.435	58.433.337.251
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.8	11.713.956.028	11.555.970.710
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.525.598.642)	(5.261.989.554)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		55.568.444.821	64.727.338.407
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		(22.559.320.865)	3.885.951.819
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(568.250.577)	(2.220.585.860)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(10.053.559.529)	1.704.443.880
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		551.325.089	(713.938.989)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.458.896.836)	(7.176.331.485)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.533.200.694)	(1.760.929.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.946.541.389	58.246.948.792
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(10.149.127.159)	(22.082.205.898)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ&TS dài hạn khác	22		177.727.273	348.181.818
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28		-	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	3.632.947.803	4.806.585.515
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.338.452.083)	(7.107.458.563)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12	(42.271.274.289)	(35.683.893.598)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(42.271.274.289)	(35.683.893.598)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		(33.663.184.983)	15.454.596.631
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	81.878.534.534	66.121.452.639
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.567.432)	302.485.384
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	48.211.782.219	81.878.534.634

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **1.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### **1.2 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

### **2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **2.1 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

#### **2.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **2.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn dưới 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### **2.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **2.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong năm, Công ty chuyển đổi và sử dụng phần mềm quản lý sản xuất kinh doanh trong việc theo dõi và quản lý nguyên vật liệu và thay đổi phương pháp kê khai hàng tồn kho từ phương pháp kê khai thường xuyên sang phương pháp kiểm kê định kỳ. Mục đích của việc chuyển đổi phương pháp kê khai hàng tồn kho như vậy để giảm thiểu rủi ro và nâng cao việc quản lý và theo dõi hàng tồn kho của Công ty.

## **2.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

## 2.7 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## 2.8 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam

## 2.9 Ghi nhận doanh thu

### Doanh thu bán hàng

*Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.*

### Doanh thu dịch vụ

*Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

## 2.10 Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia lãi cho các cổ đông.

## 2.11 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

## 2.12 Thuế

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty đang chịu thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với thuế suất ưu đãi 20% trong vòng 20 năm kể từ ngày thành lập do công ty đang hoạt động trong địa bàn khó khăn. Năm 2004, Công ty thực hiện cổ phần hóa do đó được miễn thuế TNDN trong vòng 02 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 06 năm tiếp theo. Công ty đã đăng ký với Cơ quan Thuế về thời gian miễn thuế là năm 2005 và năm 2006. Thời gian giảm thuế là 06 năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2007.

Đối với các hoạt động khác, Công ty chịu thuế TNDN với thuế suất bằng 25%.



Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

#### **Thuế Giá trị gia tăng**

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc tế 0%
- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các chuyến bay quốc nội 10%
- Các dịch vụ khác 10%

#### **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **3. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

#### **3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tiền mặt	270.338.560	164.203.577
Tiền gửi ngân hàng	22.945.011.091	50.714.331.057
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	31.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.215.349.651</b>	<b>81.878.534.634</b>

(\*): Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngắn hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh.

**3.2 Phải thu của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>43.318.777.237</b>	<b>21.637.926.576</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	43.318.777.237	21.637.926.576
<b>Các khoản phải thu bên thứ ba</b>	<b>11.957.154.432</b>	<b>11.680.120.055</b>
Aeroflot Russian Intl Airlines - SU	2.448.001.088	1.059.130.694
Hàng không Nhật Bản	903.444.048	701.326.039
Hàng không Hàn Quốc	1.880.466.016	1.622.957.541
Hàng không Asiana	1.490.267.344	1.636.632.947
Hàng không Malaysia	1.021.178.268	954.092.712
Hàng không China	685.397.440	846.738.894
Cty CP Hàng không Đông Dương - VP	1.203.684.953	1.203.684.953
Dragon Air - KA	1.253.224.336	594.673.715
Hàng không LOT Polish	-	1.584.094.576
Các khách hàng khác	1.071.470.919	1.436.387.984
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>55.275.931.669</b>	<b>33.318.046.631</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
<b>Cộng</b>	<b>54.072.246.716</b>	<b>32.114.361.678</b>

**3.3 Trả trước cho người bán**

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Trả trước Nhà cung cấp khác	4.817.302.539	509.024.384
Công ty cổ phần công trình Hàng không	3.499.320.000	-
Công ty Cổ phần SX&TM Quốc Khánh	783.594.171	-
Các khoản trả trước khác	534.388.368	509.024.384
<b>Cộng</b>	<b>4.817.302.539</b>	<b>509.024.384</b>

**3.4 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.354.261.007	9.703.698.103
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	833.575.325	915.887.652
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>11.187.836.332</b>	<b>10.619.585.755</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>11.187.836.332</b>	<b>10.619.585.755</b>

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải mặt đất VND	Phương tiện, dụng cụ VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	16.063.305.288	22.874.666.198	30.535.129.129	26.361.878.730	95.834.979.345
Mua sắm mới	-	542.730.000	3.910.628.562	1.150.350.000	5.603.708.562
Phá dỡ	(2.080.287.490)	-	-	-	(2.080.287.490)
Tại ngày 31/12/2012	13.983.017.798	23.417.396.198	34.445.757.691	27.512.228.730	99.358.400.417
<b>HAO MÒN LỖY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	12.019.197.688	9.196.387.894	17.303.734.733	21.407.014.159	59.926.334.683
Trích khấu hao	2.862.034.680	2.376.133.716	3.488.945.863	2.964.371.807	11.701.485.166
Phá dỡ	(1.795.211.056)	-	-	-	(1.795.211.056)
Tại ngày 31/12/2012	13.086.021.522	11.572.521.610	20.802.680.696	24.371.386.965	69.832.609.793
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2012	4.044.107.390	13.678.278.304	13.231.394.396	4.954.864.572	35.908.644.662
Tại ngày 31/12/2012	896.996.276	11.844.874.588	13.643.076.995	3.140.842.765	29.525.790.624

### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	167.440.000	167.440.000
Mua sắm mới	47.190.000	47.190.000
Tại ngày 31/12/2012	<b>214.630.000</b>	<b>214.630.000</b>
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	153.178.891	153.178.891
Trích khấu hao	12.469.862	12.469.862
Tại ngày 31/12/2012	<b>165.648.753</b>	<b>165.648.753</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2012	14.261.109	14.261.109
Tại ngày 31/12/2012	<b>48.981.247</b>	<b>48.981.247</b>

### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định	2.190.000.000	5.346.416.582
Phần mềm quản lý sản xuất	2.190.000.000	1.435.788.000
Mua xe nâng suất ăn	-	3.910.628.552
Xây dựng cơ bản dở dang	4.225.384.250	70.059.091
Công trình xây dựng cơ sở mới	3.073.906.499	70.059.091
Dự án tái định cư	1.151.477.751	-
<b>Cộng</b>	<b>6.415.384.250</b>	<b>5.416.475.653</b>

### 3.8 Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>15.749.025.073</b>	<b>24.296.983.212</b>
Công ty TNHH Thực phẩm Cao cấp	2.533.402.565	3.584.507.790
Công ty TNHH Thương mại Dương Quang	1.613.803.455	195.184.000
Công ty TNHH Hoàng Lộc	1.471.697.045	1.210.981.700
Công ty TNHH Thiên Sơn	1.407.589.029	1.846.075.506
Phải trả nhà cung cấp khác	8.722.532.979	17.460.334.216
<b>Cộng</b>	<b>15.749.025.073</b>	<b>24.296.983.212</b>

### 3.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.099.116	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.409.668.829	1.938.185.404
Thuế thu nhập cá nhân	348.579.407	102.265.366
<b>Cộng</b>	<b>2.773.347.352</b>	<b>2.040.450.770</b>

**3.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	130.975.473	286.167.340
Bảo hiểm xã hội	94.012.224	150.630.329
Bảo hiểm y tế	45.516.196	42.630.067
Bảo hiểm thất nghiệp	11.302.432	7.859.705
Quỹ hỗ trợ đào tạo	185.532.000	185.532.000
Quỹ xã hội, từ thiện	-	74.556.659
Các khoản phải nộp khác	531.995.717	267.612.661
<b>Cộng</b>	<b>999.334.012</b>	<b>1.014.988.781</b>

3.11 Vốn chủ sở hữu

3.11.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu							Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng VND
	VND	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ hữu	VND	VND		
Tại ngày 1/1/2011	50.000.000.000	(7.900.000)	-	7.272.800.529	3.728.090.629	49.249.623.461	110.242.614.619		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	58.433.337.251	58.433.337.251		
Các quỹ được chia	-	-	-	2.575.327.454	1.271.909.371	-	3.847.236.825		
Tăng khác	-	-	478.117.255	-	-	-	478.117.255		
Thuế TNDN phát nộp	-	-	-	-	-	(6.926.788.179)	(6.926.788.179)		
Trả cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(36.023.371.143)	(36.023.371.143)		
Thù lao HĐQT, BKS năm 2011	-	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)		
Thường Ban điều hành năm 2011	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)		
Chia các quỹ	-	-	-	-	-	(3.847.236.825)	(3.847.236.825)		
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.382.965.612)	(2.382.965.612)		
Tại ngày 31/12/2011	50.000.000.000	(7.900.000)	478.117.255	9.848.127.983	5.000.000.000	57.926.598.953	123.244.944.191		
Tại ngày 01/01/2012	50.000.000.000	(7.900.000)	478.117.255	9.848.127.983	5.000.000.000	57.926.598.953	123.244.944.191		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	47.380.087.435	47.380.087.435		
Thuế TNDN phát nộp	-	-	-	-	-	(5.930.380.261)	(5.930.380.261)		
Trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(42.278.318.970)	(42.278.318.970)		
Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)		
Thường ban điều hành 2012	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)		
Trích lập quỹ	-	-	-	2.072.485.359	-	(4.144.970.718)	(2.072.485.359)		
Điều chỉnh trích quỹ	-	-	-	(2.575.327.454)	-	2.702.612.119	127.284.665		
Tăng/Giảm khác	-	-	(478.117.255)	-	-	-	(478.117.255)		
Tại ngày 31/12/2012	50.000.000.000	(7.900.000)	-	9.345.285.888	5.000.000.000	55.067.628.558	119.405.014.446		

### 3.11.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký DN		Số vốn đã góp	
	VND	%	Tại ngày 31/12/2012 VND	%
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	30.000.000.000	60	30.000.000.000	60
Công ty TNHH MTV DV HK SB Tân Sơn Nhất	5.000.000.000	10	5.000.000.000	10
Công ty LD SX bữa ăn trên máy bay TSN	850.000.000	20	850.000.000	2
Cổ đông cá nhân khác	14.150.000.000	28	14.150.000.000	28
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>

### 3.11.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2012 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	790	790
Cổ phiếu phổ thông	790	790
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.999.210	4.999.210
Cổ phiếu phổ thông	4.999.210	4.999.210
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND/cổ phiếu		

### 3.11.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận thuần của các cổ đông phổ thông	41.449.707.174	51.506.549.072
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	4.999.210	4.999.210
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>8.291</b>	<b>10.303</b>

### 3.12 Cổ tức

Ngày 26/04/2012, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2011 là 42.278.318.970 VND (Tỷ lệ cổ tức là 84,57%). Trong năm 2012, Công ty đã chi trả số cổ tức của năm 2011 cho các cổ đông là 42.271.274.289 VND.

Cổ tức của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ được đề xuất trong Đại hội đồng cổ đông của Công ty tổ chức năm 2013.



**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**4.1 Doanh thu**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	288.308.353.148	281.655.389.461
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.236.413.805	61.529.464.483
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.205.234.010)	(3.200.000.574)
Chiết khấu thương mại	(3.205.234.010)	(3.200.000.574)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>349.339.532.943</b>	<b>339.984.853.370</b>

**4.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng bán	255.735.934.439	241.858.787.479
Giá vốn dịch vụ cung cấp	41.110.064.836	35.071.291.803
<b>Cộng</b>	<b>296.845.999.275</b>	<b>276.930.079.282</b>

**4.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.632.947.803	4.913.787.736
Chênh lệch tỷ giá	685.604.084	1.608.738.392
<b>Cộng</b>	<b>4.318.551.887</b>	<b>6.522.526.128</b>

**4.4 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng bao gồm chi phí bằng tiền khác, tổng số tiền 3.140.244.736 VND.

#### 4.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.949.828.980	5.011.032.910
Chi phí vật liệu quản lý	363.506.094	309.631.987
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ	129.180.909	96.052.096
Chi phí khấu hao TSCĐ	898.575.328	954.929.504
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	218.159.702	199.081.868
Chi phí bằng tiền khác	3.786.205.745	3.692.291.328
<b>Cộng</b>	<b>11.345.456.758</b>	<b>10.263.019.693</b>

#### 4.6 Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	177.727.273	346.161.818
Thu từ bán phế liệu	840.000.000	840.000.000
Thu nhập từ bồi thường giải phóng mặt bằng	3.704.567.742	-
Thu nhập khác	707.326.958	1.121.060.136
<b>Cộng</b>	<b>5.429.621.973</b>	<b>2.309.241.954</b>

#### 4.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	47.380.087.436	58.433.337.252
Trong đó:		
Thu nhập không ưu đãi thuế TNDN	7.937.493.342	7.223.029.690
Thu nhập ưu đãi thuế TNDN	39.442.594.093	51.210.307.562
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	<i>17.475.159</i>	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	17.475.159	-
<b>Lợi nhuận (lỗ) sau điều chỉnh</b>	<b>47.397.562.594</b>	<b>58.433.337.252</b>
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>47.397.562.594</b>	<b>58.433.337.252</b>
Thuế suất không ưu đãi	25%	25%
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>5.930.380.261</b>	<b>6.926.788.179</b>
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành ước tính</b>	<b>5.930.380.261</b>	<b>6.926.788.179</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.938.185.404	2.187.728.710
Thuế TNDN đã trả trong năm	5.458.896.836	7.176.331.485
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>2.409.668.829</b>	<b>1.938.185.404</b>

#### 4.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	182.583.434.030	173.721.861.391
Chi phí nhân công	68.970.386.007	61.269.272.441
Chi phí đồ dùng văn phòng	129.180.909	-
Khấu hao tài sản cố định	11.713.956.028	11.555.970.710
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	25.034.335.502	22.734.670.005
Chi phí bằng tiền khác	22.900.408.293	20.947.775.574
<b>Cộng</b>	<b>311.331.700.769</b>	<b>290.229.550.121</b>

## 5. THÔNG TIN KHÁC

### 5.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó bên liên quan của Công ty là các thành viên trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty, và các công ty liên doanh, liên kết.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư sau với các bên liên quan:

#### Bán hàng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	247.582.526.708	233.518.328.388
Trong đó tiền chiết khấu	(3.205.234.010)	(3.200.000.574)
<b>Cộng</b>	<b>244.377.292.698</b>	<b>230.318.327.794</b>

#### Các khoản phải thu

	Tại ngày 31/12/2012 VND	Tại ngày 01/01/2012 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	43.318.777.237	21.637.926.576
<b>Cộng</b>	<b>43.318.777.237</b>	<b>21.637.926.576</b>

#### Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc	1.938.723.110	1.747.158.741
Tổng thù lao của HĐQT và BKS	588.000.000	252.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.526.723.110</b>	<b>1.999.158.741</b>

## 5.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012.

## 5.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài đã được kiểm toán bởi Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Báo cáo tài chính năm 2012 đã được đăng tải trên trang công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trên website của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài: <http://noibaicatering.com.vn>

Ngày 11 tháng 03 năm 2013



Tạ Thiên Long